BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15741 /BTC-TCT V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.	*Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2017*

VĂN PHÒNG CÔNG TY TÀI CHÍNH
ĐẾN Số: 4031
Ngày 27/11/17
CVP
Chuyển: KT1
lg

Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội Tư vấn Thuế Việt Nam.

Thực hiện các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Nghị quyết 19-2017/NQ-CP ngày 06/2/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế *(dự thảo Thông tư gửi kèm)*.

Để việc thực hiện được thống nhất, đúng quy định, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Ý kiến tham gia bằng văn bản xin gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) trước ngày 11 /12 /2017, theo địa chỉ: số 18 Tam Trinh, Hai Bà Trưng, Hà Nội, đồng thời gửi file qua thư điện tử: bthuong@gdt.gov.vn; nttloan03@gdt.gov.vn Điện thoại: 04.39719471; Fax: 04.39719476.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng Đinh Tiến Dũng (để b/c);
- Cục TH&TKTC (để đăng tải trên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, TCT (VT, KK).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý thuế ngày 06/4/2016 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007, Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23/11/2011, Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 156/2016/NĐ-CP ngày 21/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế như sau:

1. Sửa đổi khoản 1b, 1c Điều 1 như sau:

"b) Giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử bao gồm: tra cứu, xác nhận thông tin của người nộp thuế; xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế; tiếp nhận, gửi các thông báo và các văn bản khác của cơ quan thuế; tiếp nhận và trả lời vướng mắc của người nộp thuế.

c) Thủ tục, trình tự ký thỏa thuận với tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng."

2. Sửa đổi khoản 7 Điều 3 như sau:

"7. Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN: là người trung gian theo quy định của Luật giao dịch điện tử, thực hiện hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin được Tổng cục Thuế ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế."

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 như sau:

"2. Thời gian nộp hồ sơ thuế điện tử là thời điểm được cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (trường hợp sử dụng dịch vụ T-VAN) ghi trên thông báo với nội dung tiếp nhận hoặc chấp nhận người nộp thuế đã nộp hồ sơ thuế điện tử thành công tương ứng theo từng hồ sơ thuế điện tử (đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế). Ngày trên thông báo tiếp nhận hoặc chấp nhận nộp hồ sơ thuế điện tử theo từng thủ tục là căn cứ để cơ quan thuế tính thời gian nộp hồ sơ thuế điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế và xử lý hành vi chậm nộp, không nộp hồ sơ thuế của người nộp thuế."

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 8 như sau:

"3. Ngày nộp thuế điện tử là ngày hệ thống thanh toán của ngân hàng/cơ quan kho bạc nhà nước trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế/người nộp thay để nộp thuế và được ghi nhận trên chứng từ nộp thuế điện tử.

Cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi thông báo xác nhận nộp thuế điện tử (theo mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính) đến người nộp thuế chậm nhất 15 phút sau khi nhận được thông báo từ ngân hàng xác nhận nộp thuế điện tử thành công hoặc lý do nộp thuế điện tử không thành công, trừ trường hợp nộp thuế điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Thông tư số 110/2015/TT-BTC."

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 17 như sau:

"2. Trường hợp người nộp thuế chấm dứt hoạt động hoặc có thông báo của cơ quan thuế về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngừng việc thực hiện các thủ tục

hành chính thuế bằng phương thức điện tử, đồng thời gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính) về việc ngừng giao dịch điện tử cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế kể từ thời điểm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế, thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký."

6. Sửa đổi Điều 18 như sau:

"Điều 18. Đăng ký thuế điện tử

1. Đăng ký thuế điện tử là việc người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả đăng ký thuế (trừ trường hợp nhận kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế) bằng phương thức điện tử với cơ quan thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả đăng ký thuế của cơ quan thuế cho người nộp thuế theo quy định bằng phương thức điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Khi thực hiện đăng ký thuế điện tử, người nộp thuế phải được cơ quan thuế thông báo chấp nhận đăng ký giao dịch thuế điện tử theo quy định tại Điều 15 hoặc Điều 32 Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính, trừ trường hợp đăng ký thuế và cấp mã số thuế theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính được sửa đổi tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư này.

2. Các quy định về thời hạn, hồ sơ, địa điểm nộp cho người nộp thuế thực hiện và trách nhiệm, thời hạn xử lý hồ sơ của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế hiện hành."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"Điều 19. Đăng ký thuế

1. Người nộp thuế khi có phát sinh đăng ký thuế điện tử thì thực hiện truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để khai thông tin trên Tờ khai đăng ký thuế và các bảng kê (nếu có), đồng thời gửi kèm bản scan đối với người nộp thuế là tổ chức, bản hình ảnh (theo định dạng ".jpg", ".jepg", ".gif", ".png" hoặc các định dạng khác) đối với người nộp thuế là cá nhân các giấy tờ có liên quan tương ứng đối với từng mẫu hồ sơ đăng ký thuế (bản scan là bản hình ảnh được quét điện tử từ văn bản giấy và lưu trữ theo định dạng ".pdf" thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản) đến cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trường hợp người nộp thuế đã có mã số thuế khi nộp hồ sơ đăng ký thuế để cấp mã số thuế nộp thay, cấp mã số thuế cho người phụ thuộc, cấp mã số thuế cho cá nhân và người phụ thuộc thông qua cơ quan chi trả thu nhập, thì thực hiện truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để khai hồ sơ đăng ký thuế theo quy định, ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế, kiểm tra và gửi thông báo (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua địa chỉ thư điện tử đã được khai trên hồ sơ đăng ký thuế chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế để xác nhận việc nộp hồ sơ đăng ký thuế hoặc thông báo lý do không tiếp nhận hồ sơ cho người nộp thuế.

3. Đối với hồ sơ đã được cơ quan thuế tiếp nhận, cơ quan thuế thực hiện kiểm tra và xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế đủ điều kiện cấp mã số thuế, cơ quan thuế cấp mã số thuế và trả kết quả cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế kể từ ngày người nộp thuế nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (là ghi trên Thông báo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

Người nộp thuế đến nhận kết quả đăng ký thuế (Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân hoặc Thông báo mã số thuế người phụ thuộc) trực tiếp tại cơ quan thuế theo địa chỉ ghi trên Thông báo mẫu 01-1/TB-TĐT. Khi đến nhận kết quả, người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế bằng bản giấy cho cơ quan thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế bản giấy khớp đúng với hồ sơ người nộp thuế đã gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, cơ quan thuế trả kết quả đăng ký thuế cho người nộp thuế.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế bản giấy không khớp đúng với hồ sơ người nộp thuế đã gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế bổ sung hoặc thay thế cho hồ sơ đăng ký thuế đã gửi ngay trong ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ giấy hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo nếu nộp hồ sơ giấy sau 16 giờ của ngày hôm trước như sau:

- Trường hợp có sai sót trên các phụ lục không làm ảnh hưởng đến tờ khai đăng ký thuế, người nộp thuế có trách nhiệm nộp bổ sung hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Trường hợp có sai sót trên tờ khai đăng ký thuế, người nộp thuế có trách nhiệm nộp hồ sơ thay thế cho hồ sơ đã nộp đến cơ quan thuế.

Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra và xử lý hồ sơ bổ sung, thay thế của người nộp thuế theo quy định tại điểm này.

Sau khi được cấp mã số thuế, người nộp thuế phải thực hiện đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 15 hoặc Điều 32 Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không đủ điều kiện cấp mã số thuế, cơ quan thuế gửi thông báo theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc không chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung thay thế hồ sơ đã gửi cho người nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế ghi trên hồ sơ đăng ký thuế trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ ghi trên Thông báo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này.

Người nộp thuế có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung hoặc thay thế cho hồ sơ đã gửi đến cơ quan thuế theo quy định thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra và xử lý hồ sơ bổ sung, thay thế của người nộp thuế theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này."

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

"Điều 20. Thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và các thủ tục đăng ký thuế khác

1. Người nộp thuế khi có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và các thủ tục đăng ký thuế khác theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế thực hiện truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để khai, gửi các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử, ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận, kiểm tra và gửi thông báo (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để xác nhận việc nộp hồ sơ hoặc thông báo lý do không tiếp nhận hồ sơ của người nộp thuế.

3. Đối với hồ sơ đã được cơ quan thuế tiếp nhận, cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục thì xử lý và trả kết quả cho người nộp thuế đối với hồ sơ phải trả kết quả theo thời hạn quy định của pháp luật về đăng ký thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp kết quả trả cho người nộp thuế là Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận mã số thuế cá nhân hoặc Thông báo mã số thuế người phụ thuộc, người nộp thuế có trách nhiệm đến trực tiếp tại cơ quan thuế để nhận kết quả.

Trường hợp người nộp thuế có nhu cầu không nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan thuế thì ghi rõ địa chỉ nhận kết quả khi nộp hồ sơ thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi kết quả cho người nộp thuế theo địa chỉ nhận kết quả mà người nộp thuế đã cung cấp bằng thư bảo đảm.

Đối với hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế, Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế bản gốc không còn giá trị sử dụng kể từ ngày cơ quan thuế có thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Người nộp thuế không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế bản gốc đến cơ quan thuế.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định, cơ quan thuế gửi thông báo (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc không chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, thay thế hồ sơ đã gửi cho người nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này.

Người nộp thuế có trách nhiệm nộp hồ sơ bổ sung hoặc thay thế cho hồ sơ đã gửi đến cơ quan thuế theo quy định thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra và xử lý hồ sơ bổ sung, thay thế của người nộp thuế theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này."

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và Khoản 4 Điều 22 như sau:

"2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế, gửi thông báo (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) để thông báo việc tiếp nhận hoặc lý do không tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế.

Chậm nhất 01(một) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo tiếp nhận nộp hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hồ sơ thuế điện tử hoặc lý do không chấp nhận hồ sơ cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trường hợp khai thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện gửi thông báo tiếp nhận, chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử cho người nộp thuế.

Trường hợp cơ quan thuế thông báo lý do không chấp nhận và yêu cầu người nộp thuế nộp lại hồ sơ khai thuế. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo xác nhận của cơ quan thuế, nếu người nộp thuế nộp lại hồ sơ khai thuế thì cơ quan thuế xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế trên thông báo tiếp nhận đầu tiên. Nếu người nộp thuế không nộp lại hồ sơ khai thuế thì cơ quan thuế thực hiện xử lý như đối với trường hợp người nộp thuế không nộp hồ sơ khai thuế"

"4. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế gửi thông báo về kết quả xử lý hồ sơ khai thuế điện tử cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, đồng thời thực hiện tiếp nhận thông tin bổ sung hồ sơ khai thuế của người nộp thuế bằng phương thức điện tử".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

"Điều 23. Điều kiện thực hiện nộp thuế điện tử

1. Các ngân hàng được tham gia thủ tục nộp thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện về kết nối, trao đổi thông tin được công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ."

11. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 3 Điều 27 như sau:

"Điều 27. Lập và gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử

1. Người nộp thuế thực hiện hoàn thuế điện tử phải được cơ quan thuế thông báo chấp nhận đăng ký giao dịch thuế điện tử theo quy định tại Điều 15 hoặc Điều 32 Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính

2. Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ đề nghị hoàn đến cơ quan thuế thông qua một trong các hình thức sau:

a) Đối với hồ sơ khai thuế đã có nội dung khai đề nghị hoàn thuế: thực

hiện đồng thời với việc lập và gửi hồ sơ khai thuế điện tử.

b) Đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế là Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước và các tài liệu kèm theo:

- Gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế: người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; thực hiện lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế, ký điện tử và gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi ngay hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

3. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử của người nộp thuế, gửi thông báo (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) để thông báo việc tiếp nhận hoặc lý do không tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế điện tử chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ hoàn thuế điện tử của người nộp thuế.

Chậm nhất 01(một) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo tiếp nhận nộp hồ sơ hoàn thuế điện tử của người nộp thuế, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử hoặc lý do không chấp nhận hồ sơ cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trường hợp NNT thực hiện gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận, chấp nhận/không chấp nhận đến tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi cho NNT"

12. Sửa đổi, bổ sung Mục 6 Chương II như sau:

"Mục 6

GIAO DỊCH VỚI CƠ QUAN THUẾ TRONG TRA CỨU, XÁC NHẬN THÔNG TIN VÀ TIẾP NHẬN CÁC THÔNG BÁO, VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN THUẾ

Điều 29. Tra cứu, xác nhận thông tin của người nộp thuế

1. Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử đã được cấp để tra cứu, xem, in toàn bộ thông tin về hồ sơ, chứng từ, thông báo đã nhận/gửi

giữa cơ quan thuế và người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và có giá trị như xác nhận bằng văn bản của cơ quan thuế.

2. Người nộp thuế chưa đăng ký hoặc chưa được cơ quan thuế chấp nhận giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế nhưng đã thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (bao gồm: người nộp thuế đăng ký thuế; nộp thuế điện tử qua hình thức thanh toán điện tử của ngân hàng) được tra cứu thông tin đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo mã giao dịch điện tử đã được cấp cho từng lần giao dịch điện tử.

3. Về xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế và số thuế đã nộp ngân sách

Khi người nộp thuế có nhu cầu xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 156/2013/TT-BTC hoặc xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN tiếp nhận văn bản đề nghị theo mẫu quy định của người nộp thuế, gửi thông báo (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc tiếp nhận hoặc lý do không tiếp nhận đề nghị của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chậm nhất 15 phút sau khi nhận được văn bản đề nghị của người nộp thuế.

Trong thời hạn theo quy định (5 ngày làm việc với đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế; 3 ngày làm việc với đề nghị xác nhận số nộp ngân sách) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, cơ quan thuế thực hiện ban hành văn bản xác nhận hoặc chưa xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế/số nộp ngân sách nhà nước (trường hợp chưa xác nhận thì nêu rõ lý do về đề nghị của người nộp thuế) bằng phương thức điện tử.

4. Định kỳ ngày 15 hàng tháng hoặc ngày làm việc tiếp theo nếu ngày 15 là ngày nghỉ theo quy định của pháp luật về lao động, cơ quan thuế thông báo các khoản nộp ngân sách trong tháng trước đã được ghi nhận trong hệ thống quản lý thuế cho người nộp thuế biết trên tài khoản giao dịch thuế điện tử do Tổng cục Thuế cấp cho người nộp thuế."

Điều 30. Tiếp nhận, gửi các thông báo, văn bản của cơ quan thuế

1. Các loại thông báo, văn bản của cơ quan thuế:

a) Thông báo của Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế: là tất cả các thông báo phản hồi do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tạo lập và gửi cho người nộp thuế, thông báo xác nhận về việc đã nhận các hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế.

b) Thông báo của cơ quan thuế: bao gồm tất cả các thông báo của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế để thông báo về quá trình, kết quả xử lý hồ sơ thuế của người nộp thuế, hướng dẫn, yêu cầu người nộp thuế thực hiện giải trình, bổ sung thông tin tài liệu có liên quan đến hồ sơ thuế của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Các thông báo liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế; thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp; thông báo và Quyết định về cưỡng chế nợ thuế.

c) Biên bản, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp, không nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế được cơ quan thuế lập và gửi đến người nộp thuế.

d) Thông báo của cơ quan thuế về các quy định, chính sách thuế và các thông báo, văn bản khác về thuế.

2. Nguyên tắc, hình thức lập và gửi thông báo, văn bản của cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

a) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động tạo lập và gửi các thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ thuế, chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế theo mẫu quy định tại Thông tư này.

b) Thông báo được tự động tạo lập từ hệ thống quản lý thuế của ngành thuế được chuyển qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để gửi cho người nộp thuế. Việc tạo lập các thông báo này được thực hiện theo quy định nghiệp vụ về quản lý thuế trên hệ thống quản lý thuế của ngành thuế.

c) Thông báo, văn bản bằng giấy của cơ quan thuế được chuyển thành chứng từ điện tử và gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Việc tạo lập, ban hành các thông báo này theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

d) Tất cả các thông báo, văn bản đều được gửi đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế và được tra cứu, xem, in trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

3. Người nộp thuế có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện theo các nội dung, yêu cầu ghi trên thông báo, văn bản của cơ quan thuế theo thời hạn quy định, thường xuyên kiểm tra thư điện tử theo địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế, đăng nhập tài khoản giao dịch thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu, xem, in thông báo, văn bản cơ quan thuế đã gửi cho người nộp thuế và thực hiện những yêu cầu của cơ quan thuế nêu tại thông báo, văn bản điện tử như đối với thông báo, văn bản bằng giấy của cơ quan thuế. Cơ quan thuế không chịu trách nhiệm đối với trường hợp người nộp thuế không kiểm tra, không đọc thông báo, văn bản của cơ quan thuế tại tài

khoản giao dịch thuế điện tử và qua địa chỉ thư điện tử, kể cả trong trường hợp người nộp thuế không truy cập được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế do lỗi kỹ thuật thuộc về hệ thống hạ tầng, thiết bị của người nộp thuế hoặc do địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế không chính xác."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

"Điều 31. Thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN

1. Giao Tổng cục Thuế công khai các điều kiện và tiêu chuẩn kỹ thuật cần đáp ứng để hệ thống của tổ chức T-VAN có thể kết nối, trao đổi thông tin được với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; Xem xét đề nghị ký thỏa thuận của tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin để thực hiện kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trình tự ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn kết nối với Cổng thông tin của Tổng cục Thuế gửi văn bản đề nghị ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, kèm theo các tài liệu chứng minh hệ thống đáp ứng điều kiện và đề án cung cấp dịch vụ T-VAN đến Tổng cục Thuế.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, Tổng cục Thuế có văn bản thông báo về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, trường hợp không chấp thuận nêu rõ lý do.

c) Kể từ ngày Tổng cục Thuế thông báo về việc chấp nhận đề nghị ký thoả thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, tổ chức thực hiện kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra và ký văn bản thoả thuận nếu kết quả kiểm tra đáp ứng cung cấp dịch vụ T-VAN. Trường hợp kết quả kiểm tra không đáp ứng việc cung cấp dịch vụ T-VAN, Tổng cục Thuế có văn bản thông báo từ chối ký thoả thuận và nêu rõ lý do.

d) Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi ký thỏa thuận, Tổng cục Thuế công bố công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về danh sách tổ chức đã ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN.

e) Trường hợp sau khi ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có thay đổi, bổ sung thông tin liên quan đến thỏa thuận đã ký với Tổng cục Thuế, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải trao đổi và thống nhất với Tổng cục Thuế bằng văn bản.

f) Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN thì trước thời hạn đề nghị ngừng 30 ngày làm việc, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải trao đổi và thống nhất với Tổng cục Thuế bằng văn bản để Tổng cục Thuế thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

4. Tổng cục Thuế được chấm dứt thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong các trường hợp sau:

- Vi phạm các điều kiện kỹ thuật theo công bố của Tổng cục Thuế; hoặc vi phạm các điều khoản đã ký thỏa thuận; hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

- Bị giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của tổ chức; bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

Tổng cục Thuế có văn bản gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN vi phạm được biết và ngừng kết nối với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; đồng thời công bố công khai trên Trang thông tin điện tử (www.gdt.gov.vn), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế về tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN vi phạm, đã ngừng thỏa thuận cung cấp dịch vụ T-VAN.

Người nộp thuế đang thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN nêu trên được chuyển sang giao dịch qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc được Tổng cục Thuế hỗ trợ để đăng ký giao dịch qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác.

5. Tổ chức đã cung cấp dịch vụ T-VAN trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư này."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng .... năm 2017.

Bãi bỏ thông báo xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử theo mẫu số 01/TB-TĐT và thông báo thực hiện thủ tục đăng ký thuế bằng phương thức điện tử mẫu 06/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính, thay thế bằng mẫu thông báo tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế theo mẫu số 01-1/TB-TĐT và thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản có liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được

sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trường hợp có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ban nội chính TW;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính; Website TCT;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, KK).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Mẫu số: **01-1/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2017/TT-BTC ngày..../../2017 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

Số: ...../TB-TĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....,ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

V/v: Tiếp nhận hồ sơ/chứng từ thuế điện tử

Kính gửi : *<Họ tên người nộp thuế:....>*

<Mã số thuế của NNT:....>

<Trường hợp 1: Trường hợp tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử/chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ/Chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế (NNT) gửi tới cơ quan thuế lúc....ngày ... tháng ... năm...., cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ/Chứng từ nộp thuế điện tử của NNT, cụ thể như sau:

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế thì ghi:>

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu..., bảng kê mẫu..., giấy ....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ đăng ký thuế điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc...ngày...tháng...năm... Hồ sơ đăng ký thuế điện tử sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra. Trường hợp qua kiểm tra mà hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thuế sẽ trả Thông báo không chấp nhận hồ sơ, lý do không chấp nhận cho người nộp thuế trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử để người nộp thuế bổ sung hoặc thay thế hồ sơ. Trường hợp qua kiểm tra mà hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đề nghị người nộp thuế đến cơ quan thuế nhận kết quả là Giấy chứng nhận ĐKT hoặc Thông báo MST (nếu thuộc trường hợp nhận kết quả tại cơ quan thuế) đối với hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì hiển thị:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....

+ Loại tờ khai:.....

+ Kỳ tính thuế:.....

+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ khai thuế điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc.....ngày....tháng.....năm..... Hồ sơ khai thuế điện tử sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hay không chấp nhận trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử của NNT.

<Trường hợp tiếp nhận chứng từ nộp thuế thì hiển thị:>

+ Tên chứng từ nộp thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế thì hiển thị:>

+ Tên hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ hoàn thuế điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc.....ngày....tháng.....năm..... Hồ sơ hoàn thuế điện tử sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hay không chấp nhận trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của NNT.

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ khác:>

Hồ sơ *<hoàn thành nghĩa vụ thuế; số thuế đã nộp ngân sách>* điện tử đã được cơ quan thuế tiếp nhận vào lúc.....ngày....tháng.....năm.....

Trong thời hạn theo quy định *<5 ngày làm việc với đề nghị xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế; 3 ngày làm việc với đề nghị xác nhận số nộp ngân sách>* kể từ ngày tiếp nhận cơ quan thuế thực hiện ban hành văn bản xác nhận hoặc chưa xác nhận nêu rõ lý do về đề nghị của người nộp thuế bằng phương thức điện tử.

<Trường hợp 2: Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử/Chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ thuế điện tử/Chứng từ nộp thuế điện tử của NNT gửi tới cơ quan thuế lúc....ngày ... tháng ... năm.... Cơ quan thuế thông báo về việc

không tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử/Chứng từ nộp thuế điện tử của NNT, cụ thể như sau:

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế thì ghi:>

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu..., bảng kê mẫu..., giấy ....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không tiếp nhận:.....

+ Hướng dẫn xử lý:.....

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì hiển thị:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....

+ Loại tờ khai:.....

+ Kỳ tính thuế:.....

+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý dó không tiếp nhận: .....

+ Hướng dẫn xử lý:.....

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ nộp thuế thì hiển thị:>

+ Tên chứng từ nộp thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không tiếp nhận:.....

+ Hướng dẫn xử lý:.....

<Trường hợp không tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế thì hiển thị:>

+ Tên hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không tiếp nhận:.....

+ Hướng dẫn xử lý:.....

<Trường hợpkhông tiếp nhận hồ sơ khác:>

+ Tên hồ sơ thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không tiếp nhận:.....

+ Hướng dẫn xử lý:.....

Đề nghị NNT điều chỉnh và gửi lại hồ sơ thuế điện tử/Chứng từ nộp thuế điện tử theo hướng dẫn nêu trên để được ghi nhận nghĩa vụ nộp hồ sơ thuế theo quy định.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng truy cập theo đường dẫn http://www.xxx.gdt.gov.vn hoặc liên hệ cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*
Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.

Mẫu số: **01-2/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2017/TT-BTC ngày..... /../2017 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: ...../TB-TĐT

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ thuế điện tử

Kính gửi : *<Họ tên người nộp thuế :....>*

<Mã số thuế của NNT:....>

<Trường hợp 1: Trường hợp chấp nhận hồ sơ thuế điện tử/Chứng từ nộp thuế điện tử của NNT thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ/Chứng từ nộp thuế điện tử của người nộp thuế (NNT) đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo **tiếp nhận** vào lúc.... ngày ... tháng ... năm.... Cơ quan thuế thông báo về việc chấp nhận hồ sơ thuế điện tử của NNT, cụ thể như sau:

<Trường hợp chấp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì hiển thị:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....

+ Loại tờ khai:.....

+ Kỳ tính thuế:.....

+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của NNT được cơ quan thuế **chấp nhận** vào lúc.....ngày....tháng.....năm.....

Ngày hoàn thành việc nộp HSKT của NNT là ngày *<ngày nộp của HSKT bước 1 được tiếp nhận lần đầu đối với trường hợp NNT gửi lại HSKT trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo không chấp nhận của cơ quan thuế>*.

<Trường hợp chấp nhận hồ sơ hoàn thuế thì hiển thị:>

Hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử của NNT được cơ quan thuế **nhận đủ** vào lúc.....ngày....tháng.....năm.....

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết: sau 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau hoặc cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan Thuế sẽ có thông báo gửi người nộp thuế.

Cơ quan thuế sẽ thực hiện trả kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế cho NNT qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

<Trường hợp 2: Trường hợp không chấp nhận hồ sơ thuế điện tử thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ thuế điện tử của NNT đã được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế Thông báo **tiếp nhận** vào lúc....ngày ... tháng ... năm.... Cơ quan thuế thông báo về việc **không chấp nhận hồ sơ thuế điện tử** của NNT, cụ thể như sau:

<Trường hợp không chấp nhận hồ sơ đăng ký thuế thì ghi:>

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu..., bảng kê mẫu..., giấy ....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

Hồ sơ đăng ký thuế điện tử của NNT không đầy đủ, hợp lệ, lý do: ..... Đề nghị người nộp thuế (1) Nộp bổ sung các giấy tờ sau: ..... hoặc (2) Nộp toàn bộ hồ sơ đăng ký thuế thay thế cho hồ sơ đã nộp ngày .... trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày .....

Cơ quan thuế sẽ giải quyết hồ sơ khi người nộp thuế nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo Thông báo này.

<Trường hợp không chấp nhận hồ sơ khai thuế/BCTC/BCAC thì hiển thị:>

+ Tên tờ khai/Phụ lục:.....

+ Loại tờ khai:.....

+ Kỳ tính thuế:.....

+ Lần nộp hoặc lần bổ sung:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không chấp nhận: (Tên Nhóm lỗi – Tên lỗi) .....

+ Hướng dẫn xử lý:.....

<Trường hợp không chấp nhận hồ sơ hoàn thuế thì hiển thị:>

+ Tên hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không chấp nhận:.....

+ Hướng dẫn xử lý:.....

<Trường hợp tiếp nhận hồ sơ khác:>

+ Tên hồ sơ thuế điện tử:.....

+ Mã giao dịch điện tử:.....

+ Lý do không chấp nhận:.....

+ Hướng dẫn xử lý:.....

Đề nghị NNT điều chỉnh và gửi lại hồ sơ thuế điện tử theo hướng dẫn nêu trên để được ghi nhận nghĩa vụ nộp hồ sơ thuế theo quy định.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng truy cập theo đường dẫn http://www.xxx.gdt.gov.vn hoặc liên hệ cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.